ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09 /QĐ-LTTg

Quận 8, ngày 14 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách và các nguồn thu sự nghiệp khác năm 2023 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT0BTC;

Căn cứ Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông;

Căn cứ Quyết định số 9791/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp khác năm 2023 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán,Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**
Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số Quyết định số 9791/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
.a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**17.378,309**
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	**17.378,309**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.378,309

** Đính kèm các biểu công khai dự toán chi tiết*

Quận 8, ngày 14 tháng 01 năm 2023

Lập biểu

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**
Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b
ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Mã nguồn 12: Kinh phí thường xuyên không tự chủ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		Tổng cộng		**11.323.480**
Mã nguồn 12 : Kinh phí thường xuyên không tự chủ				**11.323.480**
6000		**Tiền lương**		**4.820.299**
	6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	259,26 x 1490 x 12 tháng + nâng lương	4.820.299
6100		**Phụ cấp lương**		**2.321.701**
	6101	Chức vụ	2,85 x 1490 x 12 tháng	50.958
	6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	Chi tiền vượt giờ NH 2022-2023	179.140
	6112	Phụ cấp ưu đãi	75,80 x 1490 x 12 tháng + truy nâng	1.399.231
	6113	Trách nhiệm	PCTN Tổng phụ trách Đội 0,3 x 1490 x 12 tháng	5.364
			PCTN hướng dẫn tập sự 0,3 x 1490 x 12 tháng x 4 người	21.456
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề	34,0658 x 1490 x 12 tháng + truy nâng tỷ lệ	661.180
	6115	Phụ cấp Thâm niên VK	0,2445 x 1490 x 12 tháng	4.372
6150		**Học bổng học sinh, sinh viên**		**5.400**
	6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	4 học sinh x 1.500 x 9 tháng	5.400
6200		**Tiền thưởng**		**32.400**
	6201	Thưởng thường xuyên	72 người x 450	32.400
6300		**Các khoản đóng góp**		**1.301.150**
	6301	Bảo hiểm xã hội	(Lương BC + Lương HĐ + CV+ thâm niên nghề, VK) x 17,5%	968.942
	6302	Bảo hiểm y tế	(Lương BC + Lương HĐ+ CV+ thâm niên nghề, VK) x 3%	166.104
	6303	Kinh phí công đoàn	(Lương BC + Lương HĐ + CV+ thâm niên nghề, VK) x 2%	110.736
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	(Lương BC + Lương HĐ+ CV+ thâm niên nghề, VK) x 1%	55.368
6400		**Các khoản thanh toán cá nhân**		**135.000**
	6449	Trợ cấp khác	72 người x 1800 (Tết Nguyên đán)	129.600
			Kinh phí hỗ trợ viên chức làm y tế trường học: 450 x 12 tháng	5.400
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**63.400**
	6501	Thanh toán tiền điện		40.000
	6502	Thanh toán tiền nước		20.000
	6504	Tiền vệ sinh môi trường		3.400
6550		**Vật tư văn phòng**		**14.000**
	6551	Văn phòng phẩm		6.000
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	Bản cắt giấy, máy in,...	4.000
	6599	Vật tư văn phòng khác	Mực photo, mực máy in,...	4.000
6600		**Thông tin tuyên truyền liên lạc**		**7.400**
	6601	Cước phí điện thoại trong nước		1.500
	6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện		4.000
	6618	Khoán điện thoại	1.900 x 1 tháng	1.900
6650		**Hội nghị**		**5.000**
	6699	Chi phí khác	Chi tổ chức Hội nghị CBVC năm 20.000 x 72 người, khác	5.000
6700		**Công tác phí**		**5.400**
	6704	Khoán công tác phí	2.700 x 2 tháng	5.400
6900		**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		**5.000**
	6949	Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác	SC tài sản, dặm vá trụ sở, đường điện, thoát nước...	5.000

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn**		**15.000**
	7001	Hàng hóa vật tư		10.000
	7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác		5.000
7750		**Chi khác**		**2.592.330**
	7761	Chi tiếp khách		3.300
	7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	Cấp bù Học phí: 2.430; cấp bù học 2 buổi: 3.240	5.670
			Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023 theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	2.583.360

Quận 8, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Phụ trách Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**
Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b
ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHẤP HÀNH THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Mã nguồn 14: Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương không tự chủ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		Tổng cộng		**6.054.829**
Mã nguồn 14: Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương không tự chủ			Kinh phí chi TNTT theo NQ03/2018 và NQ27/2022	**6.054.829**
6400		**Các khoản thanh toán cá nhân**		**6.054.829**
	6449	Trợ cấp khác	Kinh phí chi TNTT theo NQ03/2018 và NQ27/2022	6.054.829

Quận 8, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Phụ trách Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
Đơn vị : TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG
Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b
ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: CẤP BÙ HỌC PHÍ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		**2.583.360**
		Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí năm học 2022 - 2023 theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND		2.583.360
		B. PHẦN CHI :		**2.583.360**
		40% cải cách tiền lương	***(40% số thu học phí)***	***1.033.344***
6000		**Lương**		**1.033.344**
	6001	Chênh lệch cải cách tiền lương		1.033.344
		Bổ sung kinh phí hoạt động		***1.550.016***
6050		**Thanh toán cho người lao động**		**96.420**
	6051	Trả công cho người lao động	Lương bảo vệ: 4 người x 4.680 x 1 tháng + 1 người x 6.500 x 1 tháng + hỗ trợ phụ cấp (4 người x 2.311,4 x 1 tháng)	34.466
			Lương hợp đồng BP văn phòng (Kế toán, Phổ cập - Hỗ trợ khuyết tật...): 2 người x 5.007,6 x 3 tháng + hỗ trợ 2 người x 2.318,198 x 3 tháng + 1 người x 6.000 x 3 tháng	61.955
6300		**Các khoản đóng góp**		**11.086**
	6301	Bảo hiểm xã hội	Lương HĐ khoán x 17,5%	8.534
	6302	Bảo hiểm y tế	Lương HĐ khoán x 3%	1.463
	6303	Kinh phí công đoàn	Lương HĐ khoán VP x 2%	601
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	Lương HĐ khoán x 1%	488
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**468.000**
	6501	Thanh toán tiền điện	40.000 x 3 tháng + 20.000 x 9 tháng	300.000
	6502	Thanh toán tiền nước	20.000 x 3 tháng + 12.000 x 9 tháng	168.000
	6504	Vệ sinh môi trường		
6550		**Vật tư văn phòng**		**81.000**
	6551	Văn phòng phẩm	9.000 x 3 tháng	27.000
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	9.000 x 3 tháng	27.000
	6599	Vật tư văn phòng khác	9.000 x 3 tháng	27.000
6600		**Thông tin tuyên truyền**		**17.800**
	6601	Cước phí điện thoại trong nước	500 x 12 tháng	6.000
	6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí		8.000
	6618	Khoán điện thoại	1.900 x 2 tháng	3.800
6700		**Công tác phí**		**5.400**
	6704	Khoán công tác phí	2.700 x 2 tháng	5.400
6750		**Chi phí thuê mướn**		**0**
	6799	Chi phí thuê mướn khác		
6900		**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		**500.310**
	6913	Tài sản, thiết bị văn phòng	Sửa chữa máy vi tính, máy photo, máy in…	60.000
	6949	Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác	SC tài sản, dặm vá trụ sở, đường điện, thoát nước…	440.310
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành**		**370.000**
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		200.000
	7006	Mua tài liệu, sách báo, phục vụ chuyên môn		10.000
	7012	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	Chi trả giáo viên thỉnh giảng	80.000
	7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác	Thực hiện học tập chuyên đề, tập huấn. Thanh toán phụ cấp sân bãi	80.000
7750		**Chi các khoản phí, lệ phí**		**0**
	7799	Nộp thuế (2%)	2% x số thu	0

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Đơn vị : TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b

ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: HỌC PHÍ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		**620.940**
		2022-2023: 1195 hs (Thất thu: 50 hs) 2023-2024: 1206 hs (Thất thu: 50 hs)	(1195 hs - 50 hs) x 60.000đ x 5 tháng + (1206 hs - 50 hs) x 60.000đ x 4 tháng	620.940
		B. PHẦN CHI :		**620.940**
		40% cải cách tiền lương	***(40% số thu học phí)***	***248.376***
6000		**Lương**		**248.376**
	6001	Chênh lệch cải cách tiền lương		248.376
		39% Bổ sung kinh phí		***242.167***
6050		**Thanh toán cho người lao động**		**68.931**
	6051	Trả công cho người lao động	Lương bảo vệ: 4 người x 4.680 x 2 tháng + 1 người x 6.500 x 2 tháng + hỗ trợ phụ cấp (4 người x 2.311,4 x 2 tháng)	68.931
6300		**Các khoản đóng góp**		**8.050**
	6301	Bảo hiểm xã hội	Lương HĐ khoán x 17,5%	6.552
	6302	Bảo hiểm y tế	Lương HĐ khoán x 3%	1.123
	6303	Kinh phí công đoàn		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	Lương HĐ khoán x 1%	374
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**40.100**
	6501	Thanh toán tiền điện	Hỗ trợ tiền điện	20.000
	6502	Thanh toán tiền nước	Hỗ trợ tiền nước	15.000
	6504	Vệ sinh môi trường	1.700 x 3 tháng	5.100
6550		**Vật tư văn phòng**		**9.000**
	6551	Văn phòng phẩm	3.000 x 3 tháng	9.000
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành**		**116.086**
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		19.086
	7006	Mua tài liệu, sách báo, phục vụ chuyên môn		7.000
	7012	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	Chi trả giáo viên thỉnh giảng	40.000
	7049	Chi khác	Thực hiện học tập chuyên đề, tập huấn,. Thanh toán phụ trội, phụ cấp sân bãi	50.000
7750		**Chi các khoản phí, lệ phí**		**0**
	7799	Nộp thuế (2%)	2% x số thu	0
		21% Hỗ trợ cơ sở vật chất		***130.397***
6900		**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		**130.397**
	6949	Sửa chữa nhỏ quạt, điện, nước, chống sét, hệ thống rửa tay, sơn nước, chống mối, ống thoát nước, sơn, dặm vá, quét vôi và các hư hỏng khác phát sinh trong quá trình hoạt động. Thiết bị tin học, PCCC ...		130.397

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**

Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b

ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: TIỀN HỌC TIÊN TIẾN HIỆN ĐẠI

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		**15.523.500**
		2022-2023: 1195 hs (Thất thu: 50 hs) 2023-2024: 1206 hs (Thất thu: 50 hs)	(1195 hs - 50 hs) x 1.500.000đ x 5 tháng + (1206 hs - 50 hs) x 1.500.000đ x 4 tháng	15.523.500
		B. PHẦN CHI :		**15.523.500**
6050		**Thanh toán cho người lao động**		**673.094**
	6051	Trả công cho người lao động	Lương bảo vệ: 4 người x 4.680 x 9 tháng + 1 người x 6.500 x 9 tháng + hỗ trợ phụ cấp (4 người x 2.311,4 x 9 tháng)	310.190
	6051		Lương quản sinh: 4 người x 4.680 x 9 tháng + hỗ trợ phụ cấp (4 người x 811,4 x 9 tháng)	197.690
	6051		Lương hợp đồng BP văn phòng (Kế toán, Phổ cập - Hỗ trợ khuyết tật...): 2 người x 5.007,6 x 8 tháng + hỗ trợ 2 người x 2.318,198 x 8 tháng + 1 người x 6.000 x 8 tháng	165.213
6300		**Các khoản đóng góp**		**91.275**
	6301	Bảo hiểm xã hội	Lương HĐ khoán x 17,5%	72.989
	6302	Bảo hiểm y tế	Lương HĐ khoán x 3%	12.512
	6303	Kinh phí công đoàn	Lương HĐ khoán x 2%	1.602
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	Lương HĐ khoán x 1%	4.171
6400		**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**		**2.468.525**
	6449	Chi khác	Chi giáo viên giảng dạy 2 buổi, tin học, anh văn, năng khiếu, tự chọn, chi quản lý, phục vụ giảng dạy…	1.316.925
			Chi giáo viên giảng dạy ôn tập cho học sinh thi tuyển 10, bồi dưỡng học sinh giỏi,…	140.000
			Chi công tác quản lý và bộ phận phục vụ gián tiếp	720.000
			Chi hỗ trợ công tác chủ nhiệm, chi công tác kiêm nhiệm ngoài giờ	291.600
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**445.600**
	6501	Thanh toán tiền điện	33.000 x 9 tháng	297.000
	6502	Thanh toán tiền nước	15.000 x 9 tháng	135.000
	6504	Vệ sinh môi trường	1.700 x 8 tháng	13.600
6550		**Vật tư văn phòng**		**271.995**
	6551	Văn phòng phẩm	5.000 x 9 tháng	45.000
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	Công cụ dụng cụ văn phòng khác (5.000 x 4 tháng)	20.000
			Trang bị 100 bộ bàn ghế học sinh 1 chỗ ngồi	98.200
			Trang bị 20 bàn hội trường gấp	17.920
			Trang bị 100 ghế hội trường	40.875
	6599	Vật tư văn phòng khác		50.000
6600		**Thông tin tuyên truyền**		**40.100**
	6601	Cước phí điện thoại trong nước	100 x 12 tháng	1.200
	6605	Thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet	(350 x 5 tháng x 2 line)	3.500
	6608	Sách, báo, tạp chí thư viện	2.000 x 12 tháng	24.000
	6618	Khoán điện thoại	1.900 x 6 tháng	11.400
6700		**Công tác phí**		16.800
	6704	Khoán công tác phí	2.800 x 6 tháng	16.800

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
6750		**Chi phí thuê mướn**		**613.508**
	6754	Thuê thiết bị các loại	Thuê máy vi tính: 13.855 x 9 tháng	124.695
			Thuê hồ bơi di động: 11.000 x 9 tháng	99.000
	6799	Chi phí thuê mướn khác	Thuê mướn dịch vụ vệ sinh (41.250/tháng x 9 tháng x 85% + 24.750/tháng x 3 tháng)	389.813
6900		**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		**205.000**
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		50.000
	6913	Tài sản, thiết bị văn phòng	Sửa chữa máy vi tính, máy photo, máy in…	55.000
	6949	Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác	Sửa chữa nhỏ đường điện, ống nước, PCCC,…	100.000
6950		**Mua sắm tài sản**		**100.000**
	6955	Tài sản và thiết bị văn phòng		100.000
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành**		**10.287.134**
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	Mua hóa chất hồ bơi, hàng hóa phục vụ chuyên môn	135.379
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	Đồng phục GV thể dục (2.000/người x 5 người) Đồng phục Tổng phụ trách Đội (1.400/người) Đồng phục nhân viên bảo vệ (500/người x 4 người)	13.400
	7006	Mua tài liệu, sách báo, phục vụ chuyên môn		50.000
	7012	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		6.650.436
			Tiền giảng dạy theo phương pháp giáo dục STEM (1161 hs x 160 x 5 tháng x 85% + 1182 hs x 160 x 4 tháng x 85%)	1.432.488
			Tiền giảng dạy Anh văn bản ngữ (670 /tiết x 27 lớp x 4 tiết/lớp/tuần x 4 tuần x 5 tháng + 670 /tiết x 9 lớp x 2 tiết/lớp/tuần x 4 tuần x 5 tháng + 670 /tiết x 28 lớp x 4 tiết/lớp/tuần x 4 tuần x 4 tháng + 670 /tiết x 8 lớp x 2 tiết/lớp/tuần x 4 tuần x 4 tháng)	3.060.560
			Tiền giảng dạy tin học theo chuẩn Quốc tế MOS (1161 hs x 80 x 5 tháng x 65% + 1182 hs x 80 x 4 tháng x 65%)	547.716
			Tiền học môn khoa học qua phần mềm MOZABOOK cho học sinh khối 6 NH 2022-2023 và khối 6+7 NH 2023-2024 (344hs x 130 x 5 tháng + 659hs x 130 x 4 tháng)	566.280
			Tổ chức học nghề cho HS khối 8: (140 x 279hs)	39.060
			Tiền giảng dạy Kỹ năng sống (1195 hs x 80 x 5 tháng x 85% + 1206 hs x 80 x 4 tháng x 85%)	734.332
			Tiền thỉnh giảng giáo viên	270.000
	7049	Chi khác		3.437.919
			Tổ chức hoạt động dã ngoại, học tập ngoại khóa (1.195 học sinh x 350 x 2 lần)	836.500
			Tổ chức hoạt động trải nghiệm (1.195 hs x 200)	239.000
			Lệ phí thi nghề cho HS khối 8: (27 x 279 hs)	7.533
			Khen thưởng học sinh (150 x 1.195 hs)	179.250
			Nhóm nghiên cứu khoa học kỹ thuật	20.000
			Hỗ trợ HS thi và cấp chứng chỉ TOEFL ((710 +120) x 900 hs)	747.000

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
			Hỗ trợ HS thi và cấp chứng chỉ MOS (650 x 900 hs)	585.000
			Hỗ trợ kinh phí phôi bằng tốt nghiệp cho học sinh khối 9 (304 hs x 9)	2.736
			Hỗ trợ cho học sinh dịch vụ "Sổ liên lạc điện tử VIETSCHOOL" (1195hs x 120)	143.400
			Hỗ trợ cho học sinh dịch vụ "Phần mềm liên lạc trực tuyến EnetViet" (1195hs x 120)	143.400
			Hỗ trợ dịch vụ cho học sinh sử dụng "Thẻ học đường thông minh" (380 x 1.195 hs)	454.100
			Hoạt động chuyên môn, tập huấn	80.000
7750		**Chi các khoản phí, lệ phí**		**310.470**
	7799	Nộp thuế (2%)	2% x số thu	310.470

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**
Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b
ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: TRÍCH LẠI HĐ TÍCH HỢP

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		643.140
		2022-2023: 140 hs (K6: 33hs, K7: 27hs, K8: 32hs, K9: 48hs) 2023-2024: 117 hs (K6: 25hs, K7: 33hs, K8: 27hs, K9: 32hs)	140 hs x 10.800.000đ/khóa x 2 khóa x 15% + 117 hs x 10.800.000đ/khóa x 1 khóa x 15%	643.140
		B. PHẦN CHI :		643.140
6050		**Thanh toán cho người lao động**		**20.652**
	6051	Trả công cho người lao động	Lương hợp đồng BP văn phòng (Kế toán, Phổ cập - Hỗ trợ khuyết tật...): 2 người x 5.007,6 x 1 tháng + hỗ trợ 2 người x 2.318,198 x 1 tháng + 1 người x 6.000 x 1 tháng	20.652
6300		**Các khoản đóng góp**		**2.354**
	6301	Bảo hiểm xã hội	Lương HĐ khoán x 17,5%	1.753
	6302	Bảo hiểm y tế	Lương HĐ khoán x 3%	300
	6303	Kinh phí công đoàn	Lương HĐ khoán x 2%	200
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	Lương HĐ khoán x 1%	100
6400		**Các khoản thanh toán khác cho cá nhân**		**321.570**
	6449	Chi khác	Chi công tác phục vụ giảng dạy, công tác kiêm nhiệm	321.570
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**52.000**
	6501	Thanh toán tiền điện	Hỗ trợ tiền điện	35.000
	6502	Thanh toán tiền nước	Hỗ trợ tiền nước	17.000
6550		**Vật tư văn phòng**		**60.000**
	6551	Văn phòng phẩm		20.000
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		20.000
	6599	Vật tư văn phòng khác		20.000
6600		**Thông tin tuyên truyền**		**14.900**
	6601	Cước phí điện thoại trong nước		
	6605	Thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet	(350 x 5 tháng x 2 line)	3.500
	6618	Khoán điện thoại	1.900 x 6 tháng	11.400
6700		**Công tác phí**		**16.800**
	6704	Khoán công tác phí	2.800 x 6 tháng	16.800
6900		**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		82.002
	6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	Thiết bị hệ thống PCCC…	5.000
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		10.000
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng		20.000
	6921	Đường điện đường nước		11.000
	6949	Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác	Sửa chữa nhỏ	36.002
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành**		**60.000**
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		20.000
	7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		30.000
	7049	Chi khác	Hỗ trợ chuyên môn	10.000
7750		**Chi các khoản phí, lệ phí**		**12.863**
	7799	Nộp thuế	2% x số thu	12.863

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**

Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b

ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: TIỀN TỔ CHỨC PHỤC VỤ BÁN TRÚ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		**1.368.000**
		2022-2023 (Nửa T1/2023; từ T2 đến T5/2023): 1000 hs (Thất thu: 50 hs) 2023-2024 (Từ T9 đến T12/2023): 1000 hs (Thất thu: 50 hs)	(1000 hs - 50 hs) x 160.000đ x 5 tháng + (1000 hs - 50 hs) x 160.000đ x 4 tháng	1.368.000
		B. PHẦN CHI :		**1.368.000**
6050		**Thanh toán cho người lao động**		**325.438**
	6051	Trả công cho người lao động		325.438
			Lương cấp dưỡng: 6 người x 4.680 x 9 tháng + hỗ trợ phụ cấp: 2 người x 2.011,4 x 9 tháng + 4 người x 811,4 x 9 tháng	325.438
6300		**Các khoản đóng góp**		**54.335**
	6301	Bảo hiểm xã hội	17,5% Lương người lao động	44.226
	6302	Bảo hiểm y tế	3% Lương người lao động	7.582
	6303	Kinh phí công đoàn		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	1% Lương người lao động	2.527
6400		**Các khoản thanh toán cá nhân**		**752.400**
	6449	Phụ cấp, Trợ cấp khác	55% chi công phục vụ, công thực hiện công tác khác (quản lý…)	752.400
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**153.000**
	6501	Thanh toán tiền điện	Hỗ trợ tiền điện (10.000 x 9 tháng)	90.000
	6502	Thanh toán tiền nước	Hỗ trợ tiền nước (7.000 x 9 tháng)	63.000
6550		**Vật tư văn phòng**		**18.000**
	6551	Văn phòng phẩm	Hỗ trợ mua VPP: 500 x 9 tháng	4.500
	6559	Vật tư văn phòng khác	Hỗ trợ mua vật tư VP khác: 1.500 x 9 tháng	13.500
	7049	Chi phí khác	Hỗ trợ học vệ sinh an toàn thực phẩm, xét nghiệm nước, tập huấn cấp	37.467
7750		**Chi khác**		**27.360**
	7799	Chi nộp thuế	2% số thu	27.360

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán	HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Ngọc Linh	Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG** Phụ lục số 2 - Biểu số 04b

Chương : 622 ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: VỆ SINH BÁN TRÚ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		**171.000**
		2022-2023 (Nửa T1/2023; từ T2 đến T5/2023): 1000 hs (Thất thu: 50 hs) 2023-2024 (Từ T9 đến T12/2023): 1000 hs (Thất thu: 50 hs)	(1000 hs - 50 hs) x 20.000đ x 5 tháng + (1000 hs - 50 hs) x 20.000đ x 4 tháng	**171.000**
		B. PHẦN CHI :		**171.000**
6500		**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**5.100**
	6504	Vệ sinh môi trường	1.700 x 3 tháng	5.100
6550		**Vật tư văn phòng**		**106.792**
	6599	Vật tư văn phòng khác	Hỗ trợ đồ dùng, dụng cụ vệ sinh (11.865/tháng x 9 tháng)	106.792
6750		**Chi phí thuê mướn**		**55.688**
	6799	Chi phí thuê mướn, công tác khác phát sinh trong quá trình hoạt động	Hỗ trợ công tác thuê mướn dịch vụ vệ sinh (41.250/tháng x 9 tháng x 15%)	55.688
7750		**Chi khác**		**3.420**
	7799	Chi nộp thuế	2% số thu	3.420

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Long Giao

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**

Chương : 622

Phụ lục số 2 - Biểu số 04b

ĐVT : 1.000 đồng

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Loại 070. Khoản 073

Nguồn: THIẾT BỊ, VẬT DỤNG PHỤC VỤ HỌC SINH BÁN TRÚ

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	SỐ TIỀN
A	B	1	2	3
		A. PHẦN THU :		**190.000**
		2022-2023: 1000 hs (Thất thu: 50 hs)	(1000 hs - 50 hs) x 200.000 đồng/năm học	190.000
		B. PHẦN CHI :		**190.000**
6550		**Vật tư văn phòng**		**16.736**
	6599	Vật tư văn phòng khác	Mua đồ dùng phục vụ bán trú cho học sinh	16.736
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành**		**120.000**
	7049	Chi phí khác	Trang bị đồ dùng bán trú cho học sinh	120.000
7750		**Chi khác**		**3.800**
	7799	Chi nộp thuế	2% số thu	3.800

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Trần Thị Ngọc Linh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Nguyễn Long Giao